

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIẾN TRÚNG TUYỂN
KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGẠCH NHÂN VIÊN TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2019
(TUYỂN DỤNG TRONG NĂM 2020)

TT	Số HS	SBD	Vấn g	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Chứng chỉ nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học	Thạc sĩ	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên				Điểm kiểm tra năng lực			Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
														Diện 1 (7,5đ)	Diện 2 (5,0đ)	Diện 3 (2,5đ)	Điểm cộng	Kiểm thức chung	Chuyên môn	Tổng điểm			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)				(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)
01	1	KT06		Nguyễn Thị Ngọc My	11/08/1990	Nữ	Kinh		Anh B	Tin B		Kế toán	THPT Krông Bông					22.500	30.50	53.00	53.00	x	
02	27	KT11		Lê Ngọc Thi	30/08/1995	Nữ	Kinh		Anh B	Tin B		Kế toán	THPT Nguyễn Bình Khiêm					21.000	66.50	87.50	87.50	x	
03	28	TB01		Võ Thị Minh Huệ	29/08/1992	Nữ	Kinh		Anh B	Tin B		Thiết bị, thí nghiệm	THPT Nguyễn Thái Bình					16.500	56.00	72.50	72.50	x	
04	16	TV04		Nguyễn Thị Huê	25/05/1990	Nữ	Kinh		Anh B	Tin B		Thư viện	THPT Cao Bá Quát					12.000	56.00	68.00	68.00	x	
05	38	TV07		Đặng Thị Trọng	03/02/1987	Nữ	Kinh		Anh B	Tin A		Thư viện	THPT Cư M'gar		Con TB <81%		5.0	12.000	56.50	68.50	73.50	x	
06	30	TV05		Trần Thị Tiểu Linh	17/02/1991	Nữ	Kinh		Anh B	Tin B		Thư viện	THPT Nguyễn Văn Cừ					15.000	53.50	68.50	68.50	x	
07	5	TV03		Phan Thị Như Hoa	07/08/1989	Nữ	Kinh		Anh B	Tin B		Thư viện	THPT Trần Hưng Đạo					10.500	60.50	71.00	71.00	x	
08	21	TV02		Nông Thị Hiệp	17/02/1991	Nữ	Nùng		Anh B	Tin B		Thư viện	THPT Trần Quang Khải		DTTS		5.0	15.000	54.50	69.50	74.50	x	
09	17	VQ08		Vương Thị Mộng Thuý	14/10/1970	Nữ	Kinh		Anh B	Tin A		Văn thư	THPT Chu Văn An					15.000	68.00	83.00	83.00	x	
10	18	VQ03		Hoàng Thị Thu Huyền	10/03/1990	Nữ	Tày		Anh B	Tin B		Văn thư, thủ quỹ	THPT Lắk		DTTS		5.0	22.500	65.00	87.50	92.50	x	
11	39	VQ01		Lê Thị An	01/03/1991	Nữ	Kinh		Anh B	Tin B		Văn thư, thủ quỹ	THPT Lê Hữu Trác					24.000	67.50	91.50	91.50	x	
12	14	VQ02		Phan Thị Kim Chi	08/08/1989	Nữ	Kinh		Anh B	UDCNTCB		Văn thư, thủ quỹ	THPT Võ Văn Kiệt					25.500	68.50	94.00	94.00	x	
13	7	YT05		Thái Thị Huyền	15/06/1991	Nữ	Kinh		Anh B	Tin A		Y tế	THPT Buôn Hồ					22.500	56.00	78.50	78.50	x	
14	11	YT03		Phạm Thị Hiền	06/10/1991	Nữ	Kinh		Anh B	Tin B		Y tế	TH sư phạm mầm non Hoa Hồng					25.500	50.00	75.50	75.50	x	
15	34	YT04		Trương Thị Hiền	28/07/1989	Nữ	Kinh		Anh B	Tin A		Y tế	THPT Nguyễn Trường Tộ					27.000	70.00	97.00	97.00	x	
16	12	YT08		Lê Thị Kim Oanh	15/09/1987	Nữ	Kinh		Anh B	UDCNTT CB		Y tế	THPT Nguyễn Văn Cừ					24.000	53.00	77.00	77.00	x	
17	13	YT01		Lê Thị Thuý Dung	20/02/1993	Nữ	Kinh		Anh B	Tin B		Y tế	THPT Quang Trung					25.500	70.00	95.50	95.50	x	
18	3	YT11		Hoàng Thị Thu Trang	17/10/1992	Nữ	Kinh		Anh A	Tin B		Y tế	Trung tâm HTPPTGDHN Trẻ khuyết tật					18.000	60.00	78.00	78.00	x	

* Danh sách này gồm có 18 thí sinh./.